

Biểu mẫu 19

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Trường Quốc tế

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Quốc tế năm học 2022-2023

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng, trong đó:	46,304			
a	Trụ sở chính: 79 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội	1,000			X
b	Cơ sở 2 tại 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội (ĐHQGHN phân)	1,118	X		
c	Cơ sở 3 tại Số 1 Trịnh Văn Bô kéo dài, Nam Từ Liêm, Hà Nội	4,000			X
e	Cơ sở 4 tại tòa nhà HT1, Khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc (ĐHQGHN phân).	3,086	X		
f	Sân tập thể dục thể thao ĐHNN	6,400		X	
g	Nhà tập đa năng ĐHNN	3,200		X	
h	Khu học An ninh quốc phòng ở Hòa Lạc	20,000		X	
i	Thư viện dùng chung của VNU	7,500		X	
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, trong đó:	29,438			
a	Trụ sở chính: 79 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội	4,850			X
b	Cơ sở 2 tại 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội (ĐHQGHN phân)	1,118	X		
c	Cơ sở 3 tại Số 1 Trịnh Văn Bô kéo dài, Nam Từ Liêm, Hà Nội	4,000			X
e	Cơ sở 4 tại tòa nhà HT1, Khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc (ĐHQGHN phân).	8,770	X		

g	Nhà tập đa năng ĐHNN	3,200		X	
i	Thư viện dùng chung của VNU	7,500		X	

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm chuyên đề	02	Thí nghiệm chuyên ngành	Sinh viên, học viên SDH	185	X		
2	Phòng thực hành máy tính	05	Thực hành các môn học về tin học và CNTT	Sinh viên, học viên SDH	388	X		
3	Xưởng thực hành	01	Thực hành các môn học	Sinh viên	124	X		
4	Nhà tập đa năng	01	Phục vụ học thể dục	Sinh viên	3.200		X	
5	Hội trường	03	Họp và tổ chức sự kiện	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	985	X (01)	X (02 dùng chung của ĐHQG)	
6	Phòng học	78	Học và tập huấn	Sinh viên, học viên sau đại học	4.100	X		X
7	Phòng học đa phương tiện	02	Học và tập huấn	Sinh viên, học viên sau đại học	100	X		
8	Thư viện, Trung tâm học liệu	05	Học tập, nghiên cứu	Sinh viên, cán bộ, giảng viên	8.280	X	X (7.500m2 dùng chung của ĐHQG)	

9	Các phòng chức năng khác	43	Làm việc, họp, hội thảo	cán bộ, giảng viên, SV	5.472	X		
10	Diện tích cho các hoạt động khác	01	Thể dục thể thao, ANQP	Sinh viên, cán bộ	26.400		X	

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	3
2	Số chỗ ngồi đọc	250
3	Số máy tính của thư viện	10
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	- 2483 đầu sách ebook quản trị và sử dụng trên phần mềm thư viện số VNU LIC - 03 CSDL (01 CSDL sách bản cứng, 01 CSDL sách điện tử, 01 CSDL tài liệu nội sinh)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	01 (Trung tâm thư viện và Tri thức số)

C. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	46.304/6471
2	Diện tích sàn/sinh viên	29.438/6471

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Anh Hòa